

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng nâng cấp
tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao
đường Hồng Thập Tự), thành phố Long Khánh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 866/TTr-SKHĐT ngày 31/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thành phố Long Khánh; như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thành phố Long Khánh.

2. Địa điểm: phường Bảo Vinh, Xuân Thanh, Xuân Trung, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

3. Chủ đầu tư: UBND thành phố Long Khánh.

4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Thanh.

5. Chủ nhiệm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Nguyễn Hoàng Biên.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nhằm đảm bảo an toàn giao thông, tạo vẻ đẹp mỹ quan, kết nối hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nội ô thành phố Long Khánh và thuận tiện cho việc đi lại của các phương tiện giao thông trên tuyến.

7. Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn áp dụng được lựa chọn:

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000;
- Khoan thăm dò địa chất công trình TCVN 9437:2012;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005;
- Thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;
- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22 TCN 211-06;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2016/BXD;
- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép: TCVN 5574:2012;
- Tiêu chuẩn về thép cốt bê tông : TCVN 1651:2008;
- Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845-2013;
- Tiêu chuẩn TCVN 4447:2012 về công tác đất – thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn TCVN 8859-2011 về Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn TCVN 9504-2012 về Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước – thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8819:2011 mặt đường bê tông nhựa nóng- Yêu cầu thi công và nghiệm thu;
- Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.
- Và các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành có liên quan.

8. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm C:

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trên cơ sở tuyến đường hiện hữu dài khoảng 1.970,73m, điểm đầu tuyến giao Quốc lộ 1 và đường Lê A, điểm cuối tuyến giao đường Hoàng Diệu. Quy mô mặt cắt ngang rộng 14m, kết cấu bê tông nhựa nóng. Vía hè mỗi bên rộng 4m lát gạch Terazzo. Nền đường rộng 22m. Tận dụng lại hệ thống thoát nước hiện hữu còn sử dụng được, cải tạo cửa thu nước và hố ga thoát nước trên toàn tuyến.

9. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông đô thị loại IV.

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ tuyến:

- Thiết kế bình đồ trên cơ sở bám vào điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, mặt đường hiện hữu và địa hình địa vật trên tuyến.

- Trên tuyến tại các vị trí đường cong nằm gấp khúc thiết kế bán kính đường cong mở rộng, bố trí siêu cao theo tiêu chuẩn quy định.

b) Trắc dọc: Cao độ thiết kế mặt cắt dọc tuyến được không chế bởi các yêu cầu sau:

- Vuốt nổi dựa theo các điểm không chế ở đầu tuyến và điểm cuối tuyến.
- Đảm bảo độ dốc dọc tối thiểu thoát nước mặt đường và tối đa để xe chạy.
- Đảm bảo khối lượng đào đắp nhỏ, chọn độ dốc của đường đổ theo đường hiện hữu.

c) Nền đường:

- Nâng cấp theo tuyến đường hiện hữu: Đào xử lý cục bộ nền đường, bù chèn mặt đường bằng đá dăm Makadam đúng cao độ thiết kế.

d) Mặt đường: Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới được thiết kế như sau:

- Kết cấu tăng cường trên đường cũ:

- + BTNN hạt mịn dày : 3 cm (SKN)
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn : 0.5kg/m²
- + BTNN hạt thô dày : 5 cm (SKN)
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn : 1kg/m²
- + bù vênh bằng đá dăm nước dày trung bình: 15cm (SKN).

đ) Vía hè: Lát gạch terrazo 4m x 2 = 8m.

e) Thoát nước:

- Thoát nước dọc: Tận dụng lại hệ thống thoát nước hiện hữu, cải tạo cửa thu nước và hố ga thoát nước trên toàn tuyến.

g) Công trình phòng hộ, đảm bảo an toàn giao thông.

- Bố trí theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo quy định của Luật đất đai.

13. Tổng mức vốn đầu tư :

29.599.999.950 đồng

Trong đó:

- | | |
|----------------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng | 23.464.719.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án | 528.809.440 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 2.356.961.225 đồng |
| - Chi phí khác | 1.797.293.016 đồng |
| - Chi phí dự phòng | 1.452.217.269 đồng |

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)



14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh phần xây dựng, phần còn lại đầu tư từ ngân sách thành phố Long Khánh.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương thức đầu tư: Đấu thầu.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 - 2022.

18. Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai thiết kế bản vẽ thi công:

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trong giai đoạn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công. Lưu ý: Thực hiện lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

- Chủ đầu tư chỉ được triển khai các bước tiếp theo sau khi tổ chức điều chỉnh tổng dự toán xây dựng công trình theo văn bản hoặc thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2018 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 11809/UBND-KTNS ngày 15/10/2019.

- Thực hiện chỉnh sửa bổ sung yêu cầu của các Sở ngành liên quan.

- Thực hiện tổ chức thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông theo quy định.

- Sử dụng phần dự phòng đúng mục đích, tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí.

- Quản lý đầu tư và xây dựng dự án theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn)

10-31

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh



Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (đồng)
1	CHI PHÍ XÂY DỰNG	23.464.719.000
2	CHI PHÍ THIẾT BỊ	0
3	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	528.809.440
4	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG :	2.356.961.225
	- Chi phí khảo sát địa hình bước lập BCNCKT	299.704.702
	- Chi phí khảo sát địa chất bước lập BCNCKT	64.981.487
	- Chi phí khảo sát địa hình bước lập TKBVTC	400.000.000
	- Chi phí lập BCNCKT	145.950.552
	- Chi phí thẩm tra BCNCKT	32.381.313
	- Chi phí lập hồ sơ thiết kế BVTC	319.354.826
	- Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	34.023.843
	- Chi phí thẩm tra dự toán	32.850.607
	- Chi phí giám sát khảo sát địa hình bước BCNCKT	12.203.975
	- Chi phí giám sát khảo sát địa chất bước BCNCKT	2.646.047
	- Chi phí giám sát khảo sát địa hình bước BVTC	16.288.000
	- Chi phí đánh giá tác động môi trường	184.592.000
	- Chi phí thẩm tra an toàn giao thông	117.000.000
	- Chi phí giám sát thi công XD	630.027.705
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu gói xây lắp	25.780.973
	- Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp	31.428.234
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu gói TKBVTC	1.172.032
	- Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu TKBVTC	1.433.903
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu gói giám sát TCXD	2.312.202
	- Chi phí đánh giá HSDT gói thầu giám sát TCXD	2.828.825
5	CHI PHÍ KHÁC:	1.797.293.016

ĐỒNG

	- Phí thẩm định dự án	5.032.000
	- Phí thẩm định thiết kế cơ sở	2.516.000
	- Chi phí gián tiếp (tạm tính)	1.088.588.760
	- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu xây lắp	11.160.594
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp	11.160.594
	- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu TKBVTC	1.000.000
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu TKBVTC	1.000.000
	- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu giám sát	1.000.000
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu giám sát	1.000.000
	- Phí thẩm định thiết kế	6.612.784
	- Phí thẩm định dự toán	6.399.469
	- Chi phí kiểm toán quyết toán	298.249.600
	- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	83.472.000
	- Bảo hiểm công trình	65.701.214
	- Chi phí kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	100.000.000
	- Chi phí di dời/nâng móng trụ đèn chiếu sáng	114.400.000
6	DỰ PHÒNG PHÍ	1.452.217.269
	- Dự phòng khối lượng	323.859.380
	- Dự phòng trượt giá	1.128.357.889
	TỔNG CỘNG	29.599.999.950
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)	29.600.000.000